

Bản án số: 61/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 07/11/2018  
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Lê

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hương

2. Ông Nguyễn Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D - Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Tấn Hưng - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 114/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lương Duy K, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn T 1, xã Đ, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Minh N, sinh năm 1981

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn T 1, xã Đ, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Nơi cư trú: Thôn T 2, xã Đ, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ngân hàng chính sách xã hội

Địa chỉ: Số 169 phố L, phường H, quận M, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng chính sách xã hội: Ông Lê Văn T, sinh năm 1980 - Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện D (Văn bản uỷ quyền ngày 01/3/2018); có mặt

Địa chỉ liên lạc: 47 L, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hoà.

+ Bà Phan Thị Đ, sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn T 1, xã Đ, huyện D, tỉnh Khánh Hoà; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Bà Lương Thị Bạch Y, sinh năm 1959

+ Ông Nguyễn T, sinh năm 1965

+ Ông Nguyễn Ch, sinh năm 1954

Cùng địa chỉ: Thôn T 1, xã Đ, huyện D, tỉnh Khánh Hoà; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lương Duy K trình bày: Ông K và bà Nguyễn Thị Minh N tự nguyện yêu thương và chung sống với nhau từ năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Trong quá trình chung sống, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, tính tình không hoà hợp do bà N không có sự tin tưởng đối với ông trong cuộc sống, luôn ghen tuông vô cớ, dùng những lời lẽ không hay xúc phạm ông mỗi khi vợ chồng xảy ra cãi vã và vợ chồng không có sự tin tưởng nhau trong vấn đề tiền bạc. Ông K và bà N đã cho nhau nhiều cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không khắc phục được, hai bên không còn chung sống với nhau từ tháng 12/2017. Nay, ông K xác định không còn tình cảm với bà N, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà N. Về con chung: Có 02 con chung tên là Lương Nguyễn Thuỳ A, sinh ngày 13/10/2001 và Lương Duy A, sinh ngày 20/9/2003. Ông K đồng ý giao cháu Thuỳ A và Duy A cho bà N nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Ông K xác định không có.

Liên quan đến khoản nợ vay của bà Phan Thị Đ số tiền 45.000.000đ và Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 30.000.000đ, ông K xác định không có khoản nợ chung trên. Quá trình chung sống với bà N, vào tháng 06/2011, ông K thừa nhận ông có bị bệnh và đi điều trị tại thành phố Hồ Chí Minh nhưng toàn bộ số tiền chữa bệnh là tiền của cá nhân ông K, tiền của mẹ ruột ông K (bà Lương Thị Bạch Y) cho, chứ ông K không sử dụng khoản vay 30.000.000đ mà bà N vay của Ngân hàng chính sách xã hội để chữa bệnh. Tại thời điểm ông K bị bệnh và đi điều trị, ông không vay, không mượn và đi trả nợ cho bất kỳ ai. Trong thời gian ông K bị bệnh, mọi sinh hoạt chi tiêu trong gia đình và lo cho con cái ăn học đều do bà N chịu trách nhiệm, ông K không hỗ trợ, phụ giúp gì do khi đó ông bị bệnh, không đi làm việc nên không có thu nhập hàng tháng. Đến cuối năm 2011, bệnh ông Khánh đỡ dần và ông K bắt đầu đi làm lại.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Minh N trình bày: Bà N và ông Lương Duy K tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào năm 2001. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hoà hợp, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, ông K sống không có trách nhiệm với vợ con, không đưa tiền phụ giúp bà N lo kinh tế gia đình, có quan hệ với phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng không có sự tin tưởng nhau trong vấn đề tình cảm, tiền bạc. Nay, ông K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, bà N xác định không còn tình cảm với ông K nên cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Lương Nguyễn

Thuỳ A, sinh ngày 13/10/2001 và Lương Duy A, sinh ngày 20/9/2003, bà N yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Bà N xác định không có.

Về nợ chung: Bà N xác định bà và ông K có 02 khoản nợ chung với nhau, cụ thể: Bà N và ông K có vay của bà Phan Thị Đ số tiền 45.000.000đ, thời gian vay năm 2011, hai bên thoả thuận không tính lãi suất. Do bà Đ không yêu cầu trả số nợ trên nên bà N không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết. Vào tháng 08/2011, bà N và ông K có vay của Ngân hàng chính sách xã hội theo chương trình vay hộ nghèo với số tiền nợ gốc là 30.000.000đ, mục đích vay là để có tiền chữa bệnh cho ông Khánh và lo chi tiêu các sinh hoạt đời sống trong gia đình. Mặc dù, ông K không ký tên trong Hợp đồng vay vốn với Ngân hàng chính sách xã hội nhưng ông K có biết việc bà vay vốn, thời điểm bà nhận tiền vay của Ngân hàng, ông K có tham gia và bà N có đưa cho ông K một phần tiền vay để trả nợ cho những người mà bà N mượn tiền để chữa bệnh cho ông K. Do đó, bà yêu cầu Toà án xem xét buộc bà và ông K mỗi người phải có trách nhiệm trả ½ đối với khoản nợ vay nêu trên cho Ngân hàng chính sách xã hội.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

+ Bà Phan Thị Đ trình bày: Bà Đ có cho vợ chồng ông Lương Duy K và bà Nguyễn Thị Minh N vay số tiền 45.000.000đ vào năm 2011, có thoả thuận không tính lãi suất. Từ năm 2011 đến năm 2014, bà N, ông K có trả được 5.000.000đ, còn nợ lại 40.000.000đ và bà N, ông K có ký làm giấy viết tay để xác nhận nợ đối với khoản vay trên. Bà Đ không yêu cầu ông K, bà N trả số tiền 40.000.000đ cho bà Đ trong vụ án này và không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết đối với số nợ trên. Do không có thời gian đi lại, bà Đ yêu cầu Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt đối với bà.

+ Đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng chính sách xã hội - ông Lương Văn T trình bày: Ngày 10/8/2011, Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện D có cho hộ bà Nguyễn Thị Minh N là đại diện hộ gia đình vay vốn chương trình hộ nghèo, số tiền vay: 30.000.000đ, theo mã món vay: 6000004000047781, lãi suất: 0,65%/tháng, thời hạn vay: 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng: vào ngày 10/8/2016, phân kỳ trả nợ trả gốc 12 tháng một lần, mỗi lần trả là 6.000.000đ, trả lãi hàng tháng. Quá trình vay vốn, hộ bà N đã vi phạm việc trả gốc, lãi mặc dù Ngân hàng đã cho gia hạn nhiều lần tạo điều kiện cho hộ bà N trả nợ. Tính đến ngày 06/9/2018, hộ bà N còn nợ Ngân hàng số tiền là 45.068.016đ (trong đó nợ gốc 30.000.000đ, nợ lãi 15.068.016đ). Nay, ông K yêu cầu ly hôn với bà N, để bảo đảm cho việc thu hồi nợ của Ngân hàng chính sách xã hội thì Ngân hàng yêu cầu bà N và ông K phải trả toàn bộ số tiền còn nợ 45.068.016đ và các khoản lãi phát sinh tính từ ngày 07/9/2018 cho đến trả hết nợ.

- Người làm chứng:

+ Bà Lương Thị Bạch Y trình bày: Bà Y là mẹ ruột của ông Lương Duy K, sau khi ông K bị bệnh, vào khoảng thời gian nào bà Y không nhớ, ông K có đến gặp bà Y để xin tiền chữa mắt. Bà Y có gọi cho một người cậu của bà ở nước ngoài và cậu của bà Y có gửi cho bà Y số tiền 500 đến 600 USD để cho ông K chữa bệnh. Trong thời gian ông Khánh chữa bệnh, mọi ăn uống, chi tiêu

hàng ngày do ai lo cho ông K thì bà Y không biết, ông K không ăn uống, sinh hoạt tại nhà bà Y và bà Y cũng không chăm lo cho ông K.

+ Ông Nguyễn T trình bày: Về hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội tại chi nhánh huyện D của hộ bà N và ông K thì ông T không biết. Ông T chỉ biết vào ngày 03/9/2017, ông T có ký xác nhận trong Giấy ủy quyền để hộ ông K, bà N gia hạn khoản nợ vay tại Ngân hàng chính sách xã hội. Chữ ký và viết tên “Lương Duy K” trong Giấy ủy quyền lập ngày 03/9/2017 là do người thân trong gia đình vợ chồng bà N ký thay, ai là người ký thay thì ông T không biết.

+ Ông Nguyễn C trình bày: Hộ bà N và ông K nằm trong danh sách gia đình nghèo tại xã Đ và có điều kiện để phát triển kinh tế theo yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội, chi nhánh huyện D nên ông C (là Phó trưởng thôn đồng thời tổ trưởng tổ vay vốn) mới xác nhận, đưa vào danh sách hộ được vay vốn. Ông C có đưa cho ông K, bà N phiếu kê khai thông tin hồ sơ vay, sau đó họ tự về nhà kê khai theo mẫu có sẵn sau đó nộp lại bản thông tin đầy đủ cho ông C. Quá trình vay vốn, ông K có đến gặp ông C nộp 02 tháng tiền lãi đầu tiên đối với số nợ 30.000.000đ vì ông C là tổ trưởng tổ vay vốn nên những người đi vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội đều nộp hàng tháng cho ông C, sau đó ông C tổng hợp lại rồi đem nộp lại cho Ngân hàng chính sách xã hội, chi nhánh huyện D). Ông K, bà N chỉ có nộp cho ông C 02 tháng tiền lãi, còn số tiền gốc và lãi của những tháng sau, hộ ông K, bà N không thực hiện cho đến nay. Thời gian vay tiền của hộ ông K, bà N là vào năm 2011, mục đích vay là để trồng xoài, điều.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông K xác định không có khoản nợ của bà Đ, có việc ông K trả 02 tháng tiền lãi vay cho ông C do bà N nhờ ông K trả, về việc vay khoản nợ của Ngân hàng chính sách ông K không biết và không sử dụng số tiền vay nên ông K không đồng ý trả khoản nợ 30.000.000đ cho Ngân hàng chính sách xã hội; đối với yêu cầu về ly hôn, con chung và tài sản chung ông K vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày, không thay đổi, bổ sung gì thêm.

Đại diện theo ủy quyền Ngân hàng chính sách xã hội - ông T tại phiên tòa trình bày: Xác định tổng số tiền nợ của ông K và bà N là 45.465.496đ (trong đó nợ gốc 30.000.000đ, nợ lãi 15.465.496đ tạm tính đến ngày 07/11/2018), do ông K, bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông K và bà N phải thanh toán số tiền nợ vay 45.465.496đ và các khoản lãi phát sinh từ ngày 08/11/2018 cho đến khi thanh toán xong số nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn bà N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đ đã được toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có ý kiến tại phiên tòa. Phát biểu tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D cho rằng Tòa án nhân dân huyện D đã tuân thủ, chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Duy K về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội buộc ông K và bà N thanh toán cho Ngân hàng số tiền vay 45.465.496đ và các khoản lãi phát sinh theo hợp

đồng tín dụng từ ngày 08/11/2018 cho đến khi thanh toán xong số nợ cho Ngân hàng. Đối với khoản nợ vay của bà Đ do bà Đ không yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Minh N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Đ, người làm chứng bà Lương Thị Bạch Y, ông Nguyễn C, ông Nguyễn T vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đã có lời khai tại hồ sơ vụ án. Căn cứ vào Điều 227, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Duy K và bà Nguyễn Thị Minh N tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào năm 2001 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận thấy quá trình chung sống, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn trong mối quan hệ hôn nhân của ông K, bà N là do hai bất đồng quan điểm, tính tình không hoà hợp, không có sự tin tưởng nhau trong vấn đề tình cảm và tiền bạc dẫn đến cuộc sống chung luôn có sự xung đột, không có hạnh phúc; cả ông K và bà N đều xác định không còn tình cảm với nhau và không thể hàn gắn, tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên ông K và bà N đều đồng ý ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của ông K và bà N là tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông K và bà N.

[3] Về con chung: Ông K và bà N có 02 con chung tên là Lương Nguyễn Thuỳ A, sinh ngày 13/10/2001 và Lương Duy A, sinh ngày 20/9/2003. Hội đồng xét xử xét bà N là người đang trực tiếp nuôi con, các con chung đều có nguyện vọng được ở cùng với bà N nên giao cháu Duy A và Thuỳ A cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp; về cấp dưỡng nuôi con chung: bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà N và ông K có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Bà N, ông K đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung:

+ Đối với khoản vay 40.000.000đ của bà Phan Thị Đ do bà Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này bà Đ có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

+ Đối với khoản vay 30.000.000đ của Ngân hàng chính sách xã hội:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên đơn ông K cho rằng không ký tên trong Hợp đồng tín dụng ngày 10/8/2011 để vay số tiền 30.000.000đ của Ngân hàng chính sách xã hội, vì ông K không biết và không sử dụng khoản vay trên. Nhưng số

tiền trên thực tế được vay và sử dụng trong thời gian ông K, bà N vẫn còn chung sống, mục đích bà N vay số tiền trên theo bà N là để có tiền chữa bệnh cho ông K và chi tiêu các sinh hoạt đời sống trong gia đình. Điều này hoàn toàn có căn cứ vì chính bản thân ông K thừa nhận có việc ông K gặp ông Nguyễn C để trả 02 tháng tiền lãi của khoản vay Ngân hàng chính sách xã hội, chứng tỏ khoản vay 30.000.000đ ông K có biết và trong thời gian bà N vay số tiền trên của Ngân hàng chính sách xã hội, ông K có bị bệnh, không đi làm nên không có thu nhập, mọi sinh hoạt chi tiêu đời sống trong gia đình, chăm lo cho con cái ăn học đều do bà N phụ trách, chứ ông K không hỗ trợ gì cho bà N.

Theo Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình thì vợ, chồng phải cùng trả các khoản nợ thuộc các trường hợp sau “Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”. Và khoản 1 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình đã quy định “Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ nêu trên”.

Việc bà N vay số tiền 30.000.000đ của Ngân hàng chính sách xã hội với mục đích là để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình (phục vụ cho sinh hoạt chi tiêu ăn ở, học hành, chữa bệnh) và ông K có biết khoản nợ trên nên có cơ sở xác định khoản vay 30.000.000đ của Ngân hàng chính sách xã hội là khoản nợ chung của ông K và bà N. Do đó, ông K và bà N cùng có trách nhiệm liên đới trong việc trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội. Vì khoản nợ vay trên, đến nay ông K và bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng lập ngày 10/8/2011 nên Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu ông K, bà N phải thanh toán số nợ trên cho Ngân hàng là có căn cứ, cần chấp nhận. Cụ thể, buộc ông K và bà N mỗi người phải thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền vay 45.465.496đ (gồm nợ gốc 30.000.000đ + nợ lãi 15.465.496đ tạm tính đến ngày 07/11/2018) : 2 = 22.732.748đ và các tiền khoản lãi phát sinh từ ngày 08/11/2018 theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông K, bà N thanh toán xong số nợ cho Ngân hàng.

[6] Về án phí: Ông K phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình; bà N và ông K mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật tương ứng với số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội, cụ thể là:  $22.732.748đ \times 5\% = 1.136.000đ$ .

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH :**

- Căn cứ vào 27, Điều 37, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 229, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

#### Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lương Duy K và bà Nguyễn Thị Minh N.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Lương Nguyễn Thuỳ A, sinh ngày 13/10/2001 và Lương Duy A, sinh ngày 20/9/2003 cho bà Nguyễn Thị Minh N trực

tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; ông Lương Duy K không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lương Duy K có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở.

Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà N và ông K có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về nợ chung: Buộc ông Lương Duy K và bà Nguyễn Thị Minh N mỗi người phải thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền vay 22.732.748đ (hai mươi hai triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng) và các tiền khoản lãi phát sinh từ ngày 08/11/2018 theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông K, bà N thanh toán xong số nợ cho Ngân hàng.

Đối với khoản tiền vay 40.000.000đ của bà Phan Thị Đ, tách ra giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi bà Đ có yêu cầu.

4. Về án phí: Ông Lương Duy K phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0018685 ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D; ông K đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông K và bà N mỗi người phải nộp 1.136.000đ (một triệu một trăm ba mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
  - VKSND tỉnh Khánh Hòa;
  - VKSND huyện D;
  - Chi cục THA dân sự huyện D;
  - UBND xã Đ
- (Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
  - Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Ngọc Lệ**

**Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

- TAND tỉnh Khánh Hòa; **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Diên Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.



**Nguyễn Thị Ngọc Lệ**

**Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

- TAND tỉnh Khánh Hòa; **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Diên Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**Nguyễn Thị Ngọc Lệ**

